TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO

Số: 493 /XMST-KHCL
V/v mời chào giá
gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 19 tháng 5 năm 2019

Kính gửi: Các nhà cung cấp tham gia chào giá.
Gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo (ký hiệu: XMST/2019/TCNT).

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu chào giá gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo (ký hiệu: XMST/2019/TCNT) *(chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh thông thường gửi kèm).*

Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá: **Hồi 11h00', ngày 17/5/2019.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào: **Hồi 11h15', ngày 17/5/2019.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (https://www.ximangsongthao.com.vn) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Huấn: 0983.222980.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý Công ty./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ (b/c);
- KHCL;
- TCHC (để đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, KHCL.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279082 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO - H. THANH BA - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH

(Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/TCNT)

Tên gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo

Bên mời chào giá: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Phú Thọ, tháng 5/2019

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP XI MĂNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
----- o0o -----

THƯ MỜI CHÀO GIÁ RÚT GỌN

Ký hiệu gói mua sắm: XMST/2019/TCNT.

Tên gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo.

Phương án mua sắm: Bê tông và các loại vật tư sử dụng tại các vị trí khắc nghiệt; Bê tông và các loại vật tư sử dụng tại các vị trí ít khắc; Vật tư phục vụ sửa chữa công nghệ khác; gói Đất giàu sắt; gói Thạch cao nhân tạo.

PHÒNG KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC
Trưởng Phòng

Nguyễn Văn Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG
VICEM SÔNG THAO
KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279088 C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO
H. THANH BA - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

TMCGCT	Thư mời chào giá cạnh tranh
TCG	Thư chào giá
VND	Đồng Việt Nam
Chủ đầu tư, Bên mời chào giá	Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao
NCC	Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời Nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo (ký hiệu: XMST/2019/TCNT).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Vốn SXKD năm 2019.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 01 năm.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của Thư chào giá

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

3. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp *(Nhà cung cấp nộp tài liệu bản công trứng bao gồm: Báo cáo tài chính năm (2017; 2018) và 03 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo tổng giá trị > 4,0 tỷ đồng)*;

4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 03; 03a Chương III – Biểu mẫu;

5. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 04 Chương III – Biểu mẫu

6. Bản cam kết về chất lượng, điều kiện nghiệm thu, thời gian giao hàng, cung cấp CO, CQ theo yêu cầu tại mục 3. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu thuộc Chương II: Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.

7. Dự thảo hợp đồng và các tài liệu khác có liên quan.

Mục 7. Giá chào và giảm giá

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **60 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá**. TCG nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

Mục 9. Quy cách Thư chào giá

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **02 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ".

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ".

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

Mục 10. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của Bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp thư chào giá **quy định tại văn bản mời chào giá.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào

giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Mục 11. Mở Thư chào giá

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào thời điểm **quy định tại văn bản mời chào giá** tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao, Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ trước sự chứng kiến của các nhà thầu tham dự lễ mở thư chào giá. Việc mở thư chào giá không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự chào giá.

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

Mục 12. Làm rõ Thư chào giá

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

Mục 13. Đánh giá Thư chào giá

Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá . Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 14. Điều kiện xét duyệt lựa chọn nhà cung cấp

Nhà cung cấp được đề nghị lựa chọn cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;

2. Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp hợp lệ.

3. Có Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp *(Nhà cung cấp nộp tài liệu bản công trứng bao gồm: Báo cáo tài chính năm 2017; 2018 và 03 hợp đồng có tính chất tương tự như gói mua sắm (Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu) đảm bảo tổng giám trị > 4,0 tỷ đồng)*;

4. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

5. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

6. Có giá chào thấp nhất;

7. Có giá đề nghị cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

Mục 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

Mục 17. Thay đổi khối lượng hàng hóa

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

Mục 18. Giải quyết kiến nghị trong chào giá

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những

vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của Chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927 Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Huấn – CV Phòng Kế hoạch chiến lược (SĐT: 0983.222.980).

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

1.1. Kiểm tra Thư chào giá.

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

d) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

đ) Có Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Tài liệu chứng minh giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm 2017; 2018 phải dương. Tổng giá trị 03 hợp đồng tương tự đáp ứng yêu cầu gói mua sắm.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"

Nội dung đánh giá theo Chương IV: Yêu cầu kỹ thuật và phạm vi cung cấp.
các nội dung chủ yếu được đánh giá như sau:

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
		Đạt	Không đạt
(1)	(2)	(3)	(4)
I	**Phạm vi cung cấp thạch cao nhân tạo**		
1	Khối lượng cung cấp	≥ 7.384 tấn/năm	< 7.384 tấn/năm
II	**Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa**		
1	Hàm lượng SO_3 (%)	≥ 36	< 36
2	Hàm lượng $CaSO_4.2H_2O$ (%)	≥ 81	< 81
3	Cặn không tan (%)	≤ 12,0	> 12,0
4	Độ ẩm nhập hàng (%) Độ ẩm thanh toán (%)	≤ 15,0 8	> 15,0 8
5	Hàm lượng nước liên kết (%)	≥ 17	< 17
6	Độ PH	≥ 7	< 7

7	Kích thước nhập (mm) Lượng hạt kích thước <5 mm (%)	≤ 75 ≤ 40	> 75 > 40
III	**Ngoại quan**		
1	- Thạch cao có màu sắc đồng đều. - Trong Thạch cao không được lẫn tạp chất như dầu mỡ, sắt thép, bê tông và các dị vật khác ...vv.	Có cam kết Đáp ứng yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng yêu cầu
IV	**Phương thức giao nhận; lấy mẫu và phân tích mẫu và địa điểm giao hàng**		
1	- Phương thức giao nhận: Qua cầu cân của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao. - Phương thức lấy mẫu và phân tích mẫu: Theo TCVN 4344:1986 và hướng dẫn XMST-KCS.HD. - Tiến độ cung cấp: Theo kế hoạch nhập hàng hằng tháng của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.	Có cam kết Đáp ứng yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng yêu cầu
V	**Khảo sát hiện trạng dây chuyền sản xuất và lấy mẫu hiện trường**		
1	Bên mời thầu sẽ đến tham quan đánh giá quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất đồng thời lấy mẫu phân tích và thử nghiệm ảnh hưởng của thạch cao nhân tạo đến khả năng điều chỉnh thời gian đông kết và mác xi măng.	Có cam kết Đáp ứng yêu cầu	Không có cam kết hoặc Không đáp ứng yêu cầu

Bảng kê đặc tính, thông số kỹ thuật hàng hóa của Nhà thầu được coi là **hợp lệ** khi kèm theo phiếu kết quả thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HSMT *(Phiếu thí nghiệm do các phòng thí nghiệm hợp chuẩn có đủ tư cách pháp nhân thực hiện không bao gồm Phòng thí nghiệm của Bên mời thầu, thời gian thực hiện thí nghiệm trước ngày đóng thầu 30 ngày)*.

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là "đạt".

Mục 4. Xác định giá chào

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và

thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói mua sắm: _____ *[Ghi tên gói mua sắm]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói mua sắm ____*[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.

5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Nếu Thư chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày[4], kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá [5].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[6]

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Ngày hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định của Thư mời chào giá.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

Mẫu số 02

GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp]*, là người đại diện theo pháp luật của _ *[Ghi tên nhà cung cấp]* có địa chỉ tại _ *[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* bằng văn bản này ủy quyền cho _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ *[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc Phương án mua sắm_ *[Ghi tên Phương án mua sắm]* do _ *[Ghi tên bên mời chào giá]* tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*. ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ [3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền	**Người ủy quyền**
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]	*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

Mẫu số 03

BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng *(khối lượng mời chào giá)*	Đơn giá (đồng) *(Là đơn giá đã tính tại mẫu số 3a)*	Thành tiền (đồng)
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6=4x5)*
1	Cung cấp thạch cao nhân tạo	Tấn	.....	.....	.....
TỔNG CỘNG *(Kết chuyển sang đơn dự thầu)*					.....

(Bằng chữ : .....)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: Trong biểu giá cần nêu rõ: Các điều kiện Tài chính - Thương mại có liên quan; cam kết cung ứng nguyên liệu kèm theo (qui định ĐKCT của HSMT).

Mẫu số 3 (a)

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA VÀ CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Thành tiền
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*
I	Đơn giá sản xuất thạch cao nhân tạo	Tấn	1,00	.....
1	----------	*Tấn*		
2	----------	*Tấn*		
II	Xúc, vận chuyển về kho Bên A	Tấn	1,00	.....
1	*Xúc lên phương tiện*	*Tấn*		
2	*Vận chuyển về kho Bên A*	*Tấn*		
3	----------	*Tấn*		
III	Chi phí khác có liên quan	Tấn	1,00	.....
Tổng Cộng				
Thuế GTGT				
Tổng cộng ***(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)***				

Ghi chú: Đơn giá chi tiết cho 1 đơn vị khối lượng sản phẩm đã bao gồm chi phí sản xuất, quản lý, vận chuyển, bốc xếp ... và giao hàng tại kho của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 04

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____*[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*
Tên gói mua sắm: ____ *[Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]*
Tên Phương án mua sắm: _____ *[Ghi tên PAMS]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số____*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____*[Ghi tên bên mời chào giá]* phát hành, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để cung cấp hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp và theo đúng quy định của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 05

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

___, ngày _____ tháng _____ năm _____

Tên nhà cung cấp: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	*[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]*	
Ngày ký hợp đồng	*[ghi ngày, tháng, năm]*	
Ngày hoàn thành	*[ghi ngày, tháng, năm]*	
Giá hợp đồng	*[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]*	Tương đương _____ VND
Tên dự án:	*[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]*	
Tên Chủ đầu tư:	*[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]*	
Địa chỉ: Điện thoại/fax: E-mail:	*[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]* *[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]*	
Mô tả tính chất tương tự đối với gói mua sắm		
1. Loại hàng hóa	*[ghi thông tin phù hợp]*	
2. Về giá trị	*[ghi số tiền bằng VND]*	
3. Về quy mô thực hiện	*[ghi quy mô theo hợp đồng]*	
4. Các đặc tính khác	*[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]*	

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

Mục 1. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa

1. Phạm vi cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan

PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Đơn vị	Khối lượng mời chào giá	Mô tả hàng hóa	Ghi chú
1	Cung cấp thạch cao nhân tạo		tấn	7.384	*Theo nội dung mục 2: Yêu cầu kỹ thuật*	

2. Biểu tiến độ cung cấp

BIỂU TIẾN ĐỘ CUNG CẤP

STT	Danh mục hàng hóa	Đơn vị	Khối lượng mời thầu	Tiến độ cung cấp	Địa điểm cung cấp
1	Cung cấp thạch cao nhân tạo	tấn	7.384	01 năm, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực *(Theo kế hoạch lấy hàng cụ thể được báo trước cho nhà cung cấp 05 ngày)*	Tại kho Nhà máy xi măng Sông Thao

Mục 2. Yêu cầu về kỹ thuật

Thạch cao nhân tạo dùng làm phụ gia sản xuất xi măng cần đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Về quy cách, thông số kỹ thuật và đặc tính kỹ thuật:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thạch cao nhân tạo
1	Hàm lượng SO_3	%	≥ 36
2	Hàm lượng $CaSO_4.2H_2O$	%	≥ 81
3	Cặn không tan	%	$\leq 12,0$
4	Độ ẩm nhập hàng Độ ẩm thanh toán	% %	$\leq 15,0$ 8
5	Hàm lượng nước liên kết	%	≥ 17
6	Độ PH		≥ 7
7	Kích thước Thạch cao nhập Lượng hạt kích thước <5 mm	mm %	≤ 75 ≤ 40

- Thạch cao có màu sắc đồng đều.

- Trong Thạch cao không được lẫn tạp chất như dầu mỡ, sắt thép, bê tông và các dị vật khác ...vv.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm:

Bảng kê thông số kỹ thuật hàng hóa của Nhà thầu được coi là hợp lệ khi kèm theo phiếu kết quả thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của HSMT, trường hợp không có phiếu kết quả thí nghiệm thì được coi là không hợp lệ. *(Phiếu thí nghiệm do các phòng thí nghiệm hợp chuẩn có đủ tư cách pháp nhân thực hiện không bao gồm Phòng thí nghiệm của Bên mời thầu, thời gian thực hiện thí nghiệm trước ngày đóng thầu 30 ngày).*

Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: /2019/HĐKT
V/v: Thạch cao nhân tạo
(Ký hiệu: XMST/2019/TCNT)

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Quyết định số .....

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng giữa Hai Bên ngày /2019;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST ngày / /2019 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao V/v Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm: Thạch cao nhân tạo (Ký hiệu: XMST/2019/TCNT);

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên;

Hôm nay, ngày , tại Công ty cổ phần xi măng Sông Thao, Hai Bên gồm:

I. BÊN A (BÊN MUA): CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÔNG THAO

Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Điện thoại : 0210 3884 927 Fax: 0210 3884 929

Tài khoản : 10201 0000 726 571

Ngân hàng : TMCP Công thương Việt Nam - CN Đền Hùng

Mã số thuế : 260 027 9082

II. BÊN B (BÊN BÁN): .....

Địa chỉ : .....

Đại diện : ..... Chức vụ: .....

Điện thoại : ..... Fax: .....

Tài khoản số : .....

Tài khoản số : .....

Tài khoản số : .....

Mã số thuế : .....

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ HỢP ĐỒNG MUA BÁN THẠCH CAO NHÂN TẠO VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN NHƯ SAU:

Điều 1. Khối lượng, chất lượng, đơn giá mua bán: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán Thạch cao nhân tạo để phục vụ sản xuất của Bên A với khối lượng và phẩm chất hàng hóa cụ thể như sau:

1.1. Khối lượng cung cấp khoảng .....

a. Khối lượng trên là tạm tính, khối lượng mua bán thực tế theo đơn đặt hàng của Bên A trong thời hạn thực hiện Hợp đồng. Hai Bên không phải lập phụ lục điều chỉnh tăng, giảm khối lượng Hợp đồng.

b. Khối lượng cung cấp hàng tháng sẽ được Bên A thông báo Bên B trước 05 ngày.

1.2. Quy cách, phẩm chất, tiêu chuẩn kỹ thuật hàng hóa:

TT	Nội dung	Đơn vị	Thông số kỹ thuật
1	Hàm lượng SO_3	%	≥ 36
2	Hàm lượng CaSO4.2H2O	%	≥ 81
3	Cặn không tan	%	≤ 12
4	Độ ẩm (W)	%	≤ 15
5	Hàm lượng nước liên kết	%	≥ 17
6	Độ PH	%	≥ 7
7	Kích thước thạch cao nhập	mm	≤ 75
	Lượng hạt kích thước < 5mm	%	≤ 40

Màu sắc hàng hóa phải đồng đều, không được lẫn tạp chất như dầu mỡ, sắt thép, bê tông và các dị vật khác ...

1.3. Đơn giá Thạch cao nhân tạo dạng viên có độ ẩm trung bình ≤15%, hàm lượng SO_3 ≥36%, giao hàng tại kho Bên A, địa chỉ: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, chưa bao gồm thuế VAT 10% là: **.....đồng/tấn** *(bằng chữ: ..... đồng trên tấn).*

1.4. Loại Hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh. Hai Bên sẽ xem xét điều chỉnh trên cơ sở giá cả thị trường.

Điều 2. Thời gian thực hiện: 1 năm.

2.1. Thời gian giao hàng: Trong vòng 10 ngày kể từ Bên A thông báo nhận hàng.

2.2. Thời gian giao nhận: Từ 7^h30 đến 17^h00 các ngày trong tuần, có thể kéo dài thời gian giao hàng theo điều kiện thực tế.

Điều 3. Địa điểm giao nhận, phương thức giao nhận, kiểm tra mẫu, xác nhận khối lượng thanh toán:

3.1. Địa điểm giao nhận: Giao hàng tại kho Bên A, địa chỉ: xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Kiểm tra lấy mẫu:

a. Trước khi Hai Bên tiến hành lấy mẫu hàng hóa, Bên A tiến hành kiểm tra sơ bộ chất lượng của xe hàng bằng cảm quan về: độ ẩm; tạp chất.....

b. Trước khi hàng hóa tạm nhập kho của Bên A, Hai Bên cử đại diện cùng lấy mẫu của từng xe hàng (việc lấy mẫu sẽ được thực hiện theo yêu cầu của Bên A) và phân tích mẫu chung của cả lô hàng (trong 01 ngày). Mỗi mẫu được chia thành 02 phần: 01 mẫu giao cho Bên A, 01 mẫu để lưu. Mẫu lưu phải được đại diện Hai Bên cùng ký, niêm phong và giao Bên A giữ và bảo quản. Bên A phân tích mẫu và gửi kết quả phân tích mẫu cho Bên B trong vòng 48 giờ từ khi lấy mẫu. Việc phân tích mẫu được thực hiện theo quy định hiện hành.

c. Trong quá trình giao nhận, nếu có khiếu nại về chất lượng hàng hoá, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B để phối hợp xem xét, xử lý.

d. Trường hợp kết quả phân tích của các Bên có sai lệch mà Hai Bên không thỏa thuận được, thì mẫu lưu (do Bên A giữ còn nguyên niêm phong), được đại diện Hai Bên cùng đưa đến một cơ quan giám định độc lập, do Hai Bên thống nhất chỉ định, để giám định đối chứng. Kết quả giám định của cơ quan này là cơ sở để xác định chất lượng lô hàng. Mọi chi phí phát sinh do Bên sai chịu.

3.3. Phương thức giao nhận về khối lượng: Qua cầu cân của Bên A.

3.4. Nghiệm thu, xác nhận khối lượng thanh toán.

3.4.1. Trên cơ sở kết quả kiểm tra phân tích mẫu, Hai Bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hàng hóa mua bán giữa Hai Bên đối với khối lượng hàng hoá đạt yêu cầu chất lượng quy định tại Khoản 1.2 - Điều 1 của Hợp đồng.

3.4.2. Độ ẩm: Theo thực tế và $\leq 15\%$ (Bên A không nhập hàng có độ ẩm >15%).

3.4.3. Hàm lượng SO_3: Theo cam kết $\geq 36\%$ (Bên A không mua Thạch cao có hàm lượng $SO_3 < 36\%$).

3.4.4. Độ ẩm thực tế và hàm lượng SO_3 thực tế được lấy từ kết quả phân tích mẫu chung từng ngày quy định tại Mục 3.2 - Điều 3 của Hợp đồng.

Điều 4. Phương thức thanh, quyết toán:

4.1. Thanh toán hợp đồng: Thanh toán hàng tháng. Hồ sơ thanh toán gồm:

a. Công văn đề nghị thanh toán của Bên B.

b. Hóa đơn GTGT của Bên B.

c. Biên bản nghiệm thu khối lượng hàng hóa được A-B ký.

d. Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa do Nhà sản xuất phát hành.

e. Phiếu kết quả thí nghiệm chất lượng Thạch cao của khối lượng giao hàng do Bên A thí nghiệm.

4.2. Thời gian thanh toán: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận được đủ bộ hồ sơ thanh toán của tháng cung cấp, Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị thanh toán.

4.3. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng: Hết thời gian thực hiện, nếu Hai Bên không có văn bản thỏa thuận gia hạn hoặc bổ sung Hợp đồng thì Hai Bên sẽ quyết toán và thanh lý Hợp đồng theo qui định.

4.4. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ mua bán Clinker.

4.5. Đồng tiền thanh toán: VNĐ.

Điều 5. Trách nhiệm của Hai Bên:

5.1. Trách nhiệm Bên A:

a. Tổ chức lấy mẫu hàng hóa theo đúng quy định tại Mục 3.2 - Điều 3 của Hợp đồng và tổ chức phân tích mẫu theo quy định.

b. Tổ chức nghiệm thu đối với khối lượng hàng hóa giao nhận đạt yêu cầu về chất lượng quy định tại Khoản 1.2 - Điều 1 của Hợp đồng.

c. Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định tại Điều 4 của Hợp đồng.

5.2. Trách nhiệm Bên B:

a. Đảm bảo cung cấp hàng hoá đúng khối lượng, chất lượng, tiến độ theo quy định tại Điều 1, Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng.

b. Cung cấp các chứng từ thanh toán theo qui định tại Điều 4 của Hợp đồng.

c. Phối hợp với Bên A lấy mẫu, cân đong khối lượng hàng hóa nghiệm thu hàng hóa; cung cấp cho Bên A các giấy tờ phục vụ cho việc thanh quyết toán theo quy định của Hợp đồng và xử lý các vấn đề khác (nếu có) trong quá trình thực hiện Hợp đồng giữa Hai Bên.

Điều 6. Phạt vi phạm Hợp đồng:

6.1. Nếu xe hàng không đảm bảo đủ các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng qui định tại Điều 1 thì Bên B sẽ chịu mức phạt cụ thể như sau:

a. Nếu xe hàng có màu sắc không đồng đều, hoặc lẫn đất đá, bê tông, sắt thép, tạp chất hữu cơ...v.v thì mức phạt là **1.000.000 đồng/xe** hàng vi phạm với tất cả các tải trọng xe.

b. Nếu xe hàng có một trong số các chỉ tiêu về hàm lượng không đạt yêu cầu theo qui định tại Khoản 1.2 Điều 1 thì mức phạt sẽ được tính như sau:

$$T = M * 2 * (K_{tt} - K_{hđ}) * G$$

Trong đó:

+ T: Là số tiền Bên B sẽ phải chịu phạt cho 01 xe hàng bị vi phạm do không đạt một trong số các chỉ tiêu về hàm lượng không đạt yêu cầu theo qui định tại Khoản 1.2 Điều 1 của Hợp đồng.

+ 2: Là Hệ số tăng mức phạt.

+ M: K/lượng thanh toán Thạch cao nhân tạo của xe vi phạm tương ứng với độ ẩm là 15%.

+ K_{tt}: Hàm lượng thực tế của một trong số các chỉ tiêu qui định tại Khoản 1.2 - Điều 1 của Hợp đồng của xe vi phạm (theo kết quả phân tích của Bên A).

+ $K_{hđ}$: Hàm lượng yêu cầu của một trong số các chỉ tiêu theo qui định tại Khoản 1.2 - Điều 1 của Hợp đồng.

+ G: Đơn giá thanh toán Thạch cao nhân tạo theo qui định tại Khoản 1.3 - Điều 1 của Hợp đồng là: 460.000 đồng/tấn (bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi nghìn đồng trên tấn).

c. Tổng số tiền phạt 01 xe hàng không đảm bảo đủ các yêu cầu về chỉ tiêu chất lượng qui định tại Khoản 1.2 Điều 1 là không quá **2.000.000 đồng**, nếu vượt quá mức trên thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B vận chuyển về và cung cấp cho Bên A xe hàng khác.

6.2. Trường hợp Bên B không hoàn thành tiến độ theo kế hoạch lấy hàng của Bên A, Bên B sẽ chịu mức phạt 1% giá trị khối lượng hàng hóa bị chậm cho 01 ngày chậm, nhưng không quá 12% giá trị hàng hóa bị chậm. Thời gian giao hàng chậm không quá 05 ngày, nếu quá thời gian quy định Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và Bên B chịu mọi khoản phí phát sinh (trừ trường hợp bất khả kháng).

6.3. Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 thì Bên A sẽ phải trả lãi của giá trị chậm thanh toán theo lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng trên số tiền chậm thanh toán tại thời điểm chậm trả. Thời gian chậm trả không quá 60 ngày.

Điều 7. Điều khoản chung:

7.1. Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận. Không Bên nào được gây khó khăn hoặc cản trở Bên kia thực hiện trách nhiệm và quyền lợi của mình qui định trong Hợp đồng này.

7.2. Trong quá trình thực hiện, nếu xảy ra vướng mắc, Hai Bên sẽ cùng hợp tác tìm biện pháp giải quyết trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của Mỗi Bên và quyền lợi của Nhà nước. Nếu Hai Bên không thể tự giải quyết được, thì tranh chấp được đưa ra Toà án để xét xử theo quy định. Quyết định của Toà án là phán quyết cuối cùng mà Hai Bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do Bên sai chịu.

7.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
Nguyễn Quang Huy	**Họ và tên**
Tổng giám đốc	Chức vụ